|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3**TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ**LÊ QUÝ ĐÔN**ĐỀ CHÍNH THỨC** | **ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI HKI****NĂM HỌC 2022 - 2023****MÔN TOÁN - KHỐI 8**Thời gian: 90 phút (Không kể thời gian phát đề) |  |  |

**Câu 1.** *(2 điểm)* Thực hiện phép tính

a)

b)

**Câu 2.** *(1 điểm)* Rút gọn phân thức

a) b)

**Câu 3.** *(2 điểm)* Cộng, trừ, nhân, chia các phân thức

a)

b)

c)

**Câu 4.** *(0,5 điểm)* Sân trường Bình đang học có dạng hình chữ nhật với chiều rộng là 20m và chiều dài là 40m. Nhà trường dự định dùng 5% diện tích sân trường trồng cây xanh phủ bóng mát. Biết mỗi hố trồng cây xanh chiếm một diện tích là hình vuông có cạnh . Hỏi trường Bình đang học trồng được tất cả bao nhiêu cây xanh theo dự định?

**Câu 5.** *(0,5 điểm)* Tại nhà sách Văn Lang giácủa mỗi quyển tập 100 trang là 6500 đồng. Nếu mua từ 10 quyển trở lên thì sẽ giảm giá 4% cho mỗi quyển. Bạn An mang theo 160 000 đồng đến nhà sách Văn Lang trên để mua 25 quyển tập. Hỏi bạn An có đủ tiền để mua không ?

**Câu 6.** *(1 điểm)*Mẹ Tín đi siêu thị điện máy mua máy lạnh nhân dịp siêu thị có chương trình khuyến mãi. Một máy lạnh có giá niêm yết 12 500 000 đồng được khuyến mãi 15%. Ngoài ra, nếu mẹ Tín mua một máy lạnh đó sẽ được mua thêm một máy xay sinh tố hiện đại với giá chỉ còn 40% so với giá niêm yết. Mẹ Tín quyết định mua cả 2 món đó và phải trả tất cả là 11 141 000 đồng. Hỏi giá bán thực tế của một máy xay sinh tố là bao nhiêu ?

**Câu 7.** *(3 điểm)* Cho ∆ABC vuông tại A có AB < AC. Gọi M, I lần lượt là trung điểm của cạnh BC, AC.

a) Chứng minh tứ giác MIAB là hình thang vuông.

b) Từ A vẽ đường thẳng song song với BC và cắt MI tại N. Chứng minh tứ giác ANMB là hình bình hành và tứ giác ANCM là hình thoi.

c) Trên nửa mặt phẳng có bờ AC chứa điểm B, vẽ tia Cx //AB. Trên tia Cx lấy điểm Q sao cho CQ = AB. Gọi K là giao điểm của AM và BI. Chứng minh: 3 điểm A, M, Q thẳng hàng và AQ = 3AK.

------------Hết------------

**Học sinh không được sử dụng tài liệu, cán bộ coi kiểm tra không giải thích đề**

Họ và tên học sinh: ………………………………… Lớp: ………. SBD:………..

|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3**TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ****LÊ QUÝ ĐÔN** | **HƯỚNG DẪN CHẤM****KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I****Năm học 2022 – 2023****Môn: TOÁN 8****Thời gian làm bài: 90 phút**(không tính thời gian phát đề) |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| 1(2đ) | b) Đúng 3 hạng tử của thương | 0,5+0,250,250,25x30,25 |
| 2(1đ) |   | 0,25x20,25x2 |
| 3(2đ) |   | 0,5x20,25x20,25x2 |
| 4(0,5đ) | Diện tích phần sân trồng cây xanh:20.40.5% = 40 (m2)Số cây xanh phải trồng tất cả: 40 : (2.2) = 10(cây) | 0,25x2 |
| 5(0,5 | Số tiền bạn An mua 25 quyển tập là:1. 25. 96% = 156 000 (đồng)

Vì 156 000 < 160 000 nên bạn An đủ tiền mua 25 quyển tập. | 0,25x2 |
| 6(1đ) | Giá mua máy lạnh khi đã giảm 15%:12500000 . 85% = 10 625 000 (đồng)Giá niêm yết của chiếc máy xay sinh tố là:(11141000 – 10625000) : 40% = 1 290 000 (đồng)  | 0,5+0,25x2 |
| 7a(1đ) | 1. **Chứng minh tứ giác MIAB là hình thang vuông**

Ta có: M,I lần lượt là trung điểm của BC, AC (gt)MI là đường trung bình của ∆ABCK MIAB là hình thang Lại có Â = 900Suy ra MIAB là hình thang vuông. | 0,25x4 |
| 7b(1đ) | 1. **Chứng minh ANMB là hình bình hành và ANCM là hình thoi.**

Ta có:  Suy ra ANMB là hình bình hành Chứng minh:  suy ra ANCM là hình bình hành Chứng minh: ( hoặc AM = MC)Suy ra ANCM là hình thoi  | 0,25x4 |
| 7c(1đ) | 1. **Chứng minh:** **A, M, Q thẳng hàng** và **AQ = 3.AK**

Cmđ: ABQC là hình bình hành Suy ra AQ và BC cắt nhau tại trung điểm mỗi đường Mà có M là trung điểm của BC M là trung điểm của AQ A, M, Q thẳng hàngChứng minh được K là trọng tâm của  . | 0,25x4 |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI HKI**

 **MÔN: TOÁN 8 (2022 – 2023)**

*Căn cứ Công văn 3333/GDĐT-TrH ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố HCM về hướng dẫn biên soạn đề kiểm tra định kỳ và tổ chức kiểm tra đánh giá định kỳ năm học 2020-2021.*

**1. Xác định đặc tả ma trận**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT**  | **Nội dung kiến thức**  | **Đơn vị kiến thức**  | **Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra**  | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức**  |
| **Nhận** **biết**  | **Thông hiểu**  | **Vận dụng**  | **Vận dụng cao**  |
| **1**  | ***Rút gọn biểu thức*** | - Nhân đơn thức với đa thức- Nhân đa thức với đa thức- Những hằng đẳng thức đáng nhớ- Phép chia các đa thức- Rút gọn phân thức- Quy đồng mẫu thức nhiều phân thức- Phép cộng, phép trừ các phân thức đại số.  | **Nhận biết:** Rút gọn biểu thức đơn giản | **1**(1,0) |  |  |  |
| **Thông hiểu:** Rút gọn biểu thức có kết hợp nhân đơn thức với đa thức, nhân đa thức với đa thức, chia đa thức cho đơn thức, những hằng đẳng thức đáng nhớ. Hoặc: chia 2 đa thức đã sắp xếp. |  | 1(1,0) |  |  |
| **Vận dụng:**Phép cộng, phép trừ các phân thức đại số |  |  |  |  |
| **2** |  | Rút gọn phân thức | Nhận biết: Rút gọn phân thức | **1**(0,5) |  |  |  |
| Thông hiểu: Rút gọn phân thức |  | **1**(0,5) |  |  |
| **3** | ***Phân thức đại số*** | Cộng, trừ, nhân, chia phân thức | Nhận biết: Cộng, trừ hai phân thức cùng mẫuThông hiểu: Cộng, trừ hai phân thức không cùng mẫuVận dụng: Cộng, trừ, nhân, chia các phân thức | **1**(1,0) | **1**(0,5) | **1**(0,5) |  |
| **4** | ***Toán thực tế*** | Vận dụng kiến thức đã học để giải bài toán có nội dung thực tế | **Thông hiểu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài toán có nội dung thực tế (diện tích) |  | **1**(0,5) |  |  |
| **5** | ***Toán thực tế*** | - Phần trăm- Lãi suất | **Vận dụng:**Bài toán thực tế về phần trăm, tính tiền (tiền lương, tiền điện, tiền nước, tiền tham quan, tiền taxi…) |  |  | **1**(0,5) |  |
| **6** | ***Toán thực tế*** | - Phần trăm | **Vận dụng**: Tính tiền có suy luận, hao hụt (dùng các phép tính cộng, trừ, nhân, chia, suy luận) |  |  | **1**(1,0) |  |
| **7** | **Hình học** | - Hình thang, hình thang cân, hình thang vuông- Hình bình hành- Hình chữ nhật- Hình thoi- Hình vuông- Đường trung bình của tam giác, của hình thang- Đối xứng trục, đối xứng tâm- Diện tích hình tam giác, hình chữ nhật, hình vuông, hình thang, | **Nhận biết:** **- Chứng minh** các hình ở mức độ nhận biết- Tính độ dài cạnh… | 1(1,0) |  |  |  |
| **Thông hiểu:** - Chứng minh các hình ở mức độ thông hiểu- Chứng minh đoạn thẳng bằng nhau**…**- Tính độ dài cạnh… |  | 1(1,0) |  |  |
| **Vận dụng cao:** - Chứng minh song song, vuông góc, thẳng hàng, diện tích bằng nhau,… |  |  |  | 1(1,0) |
| **4**  | **Tổng**  |  |  | **4** | **5** | **3** | **1**  |
| **5**  | **Tỉ lệ**  |  |  | **30%**  | **40%**  | **20%**  | **10%**  |
| **6**  | **Tổng điểm**  |  |  | **3** **điểm**  | **4** **điểm**  | **2** **điểm**  | **1** **điểm**  |

**NỘI DUNG KIỂM TRA HKI KHỐI 8 MÔN TOÁN - NĂM HỌC 2022 – 2023**

**(Tự luận – 90 phút)**

* Đại số : đến hết bài: “ nhân, chia các phân thức đại số ”
* Hình học: hết bài: “ Diện tích hình thang ”

 Câu 1: (Nhận biết - Thông hiểu) *(2,0 điểm)*

 Tính: a) Nhân đơn thức cho đa thức + Chia đa thức cho đơn thức Nhận biết 1,0

 b) Chia 2 đa thức một biến đã sắp xếp Thông hiểu 1,0

 Câu 2: (Nhận biết - Thông hiểu)

Rút gọn phân thức *(1,0 điểm)*

 a) Có sẳn nhân tử chung Nhận biết 0,5

 b) Đặt nhân tử chung rồi rút gọn Thông hiểu 0,5

 Câu 3: (Nhận biết - Thông hiểu – Vận dụng) (2,0 điểm)

 Cộng, trừ, nhân, chia các phân thức đại số

1. Cộng, trừ hai phân thức cùng mẫu Nhận biết 1,0
2. Cộng, trừ hai phân thức không cùng mẫu Thông hiểu 0,5
3. Cộng, trừ, nhân, chia các phân thức đại số Vận dụng 0,5

 Câu 4: (Thông hiểu) *(0,5 điểm)*

 Vận dụng kiến thức đã học để giải bài toán có nội dung thực tế (diện tích) Thông hiểu 0,5

 Câu 5: (Vận dụng) *(0,5 điểm)*

 Bài toán thực tế về phần trăm, Tính tiền điện, tiền nước, giảm giá, tăng giá. Vận dụng 0,5

 Câu 6: (Vận dụng) *(1,0 điểm)*

 Bài toán vận dụng kiến thức đã học giải quyết vấn đề thực tiễn ở mức độ vận dụng (Tính tiền, tăng giảm % )

 Vận dụng 1,0

 Câu 7: (Nhận biết - Thông hiểu – Vận dụng cao) *(3 điểm)*

 a) Dấu hiệu có sẵn hoặc tính độ dài đoạn thẳng Nhận biết 1,0

 b) Có 2 ý: 1 ý vận dụng chứng minh + 1 ý chứng minh ở mức độ thông hiểu Thông hiểu 1,0

 c) Vận dụng cao 1,0

 **Phụ trách bộ môn Toán Quận 3**

 **Đỗ Quang Vinh**